

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2022/DS-ST

Ngày: 20/7/2022

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Xuân Ty;

2. Bà Lê Thị Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Duy Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Vũ Minh Phượng U** (tên gọi khác là Vy), sinh năm 1973

Địa chỉ: Số nhà 39 đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Bích Ng**, sinh năm 1976

NKTT: Số 521 đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số 44 đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông **Nguyễn Vương V**, sinh năm 1974

NKTT: Số 521 đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: 239/3 đường 1/5 phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vũ Minh Phượng U trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên trong năm 2020 bà Vũ Minh Phượng U có cho bà Nguyễn Thị Bích Ng và ông Nguyễn Vương V vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2020 cho vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng);

Ngày 22/01/2020 cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Ngày 11/02/2020 cho vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Ngày 19/02/2020 cho vay 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tất cả các lần cho vay nêu trên hai bên đều lập giấy vay tiền dưới hình thức “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN ĐỂ GIẢI CHẤP (ĐÁO HẠN) NGÂN HÀNG”, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn thanh toán tiền gốc như sau:

Đối với khoản vay 1.200.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay từ ngày 18/01/2020 đến ngày 20/01/2020.

Đối với khoản vay 500.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay từ ngày 22/01/2020 đến ngày 06/02/2020.

Đối với khoản vay 600.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay từ ngày 11/02/2020 đến ngày 17/02/2020.

Đối với khoản vay 650.000.000đ, hai bên thỏa thuận thời hạn cho vay từ ngày 19/02/2020 đến ngày 15/03/2020.

Khi hết thời hạn cho vay bà U đã đòi nhiều lần nhưng bà Ng, ông V không trả được nợ cho bà U.

Nay bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng, ông V có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà U số tiền vay gốc còn thiếu là 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu) và lãi suất trong hạn là 1,66%/tháng, lãi suất quá hạn là 2,49%/tháng của các khoản vay nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 24/5/2022 là 2.033.100.000đ (Hai tỷ không trăm ba mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bà U yêu cầu bà Ng, ông V tiếp tục chịu lãi suất quá hạn tính đến ngày xét xử hôm nay.

Đồng thời bà U yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo thi hành án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Ng trình bày: Bà với ông Nguyễn Vương V trước đây có mối quan hệ là vợ chồng đến năm 2018 bà và ông V đã giải quyết ly hôn tại Quyết định số 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2018, nhưng sau khi ly hôn thì bà và ông V vẫn chung sống cùng một nhà nên năm 2020 bà và ông V có nhiều lần vay tiền của bà U cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2020 cho vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng);

Ngày 22/01/2020 cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Ngày 11/02/2020 cho vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Ngày 19/02/2020 cho vay 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Về thời hạn vay tiền và lãi suất cho vay thể hiện trong giấy vay như bà U trình bày nêu trên là đúng. Toàn bộ số tiền vay trên bà Ng vay về kinh doanh, làm ăn, sau khi vay có nhiều lần trả tiền lãi cho bà U với lãi suất 1 ngày

2.000đ/01 triệu, do không có ghi chép cũng không có giấy tờ gì về việc trả tiền lãi cũng không có ai làm chứng nên bà Ng không nhớ cụ thể tiền lãi đã trả cho bà U là bao nhiêu. Tuy nhiên, đến ngày 01/5/2020 bà và bà U có tiến hành chốt nợ thì tổng số nợ mà bà còn nợ bà U đến thời điểm chốt nợ là 5.030.000.000đ (năm tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà Ng có cung cấp 01 tờ giấy liệt kê chi tiết từ sổ theo dõi của mình đối với các khoản nợ gốc và lãi giao nộp trong hồ sơ vụ án. Theo đó trong giấy chốt nợ đề ngày 01/5/2020 đã bao gồm có cả 04 khoản nợ mà bà U đang kiện bà trong vụ án này nhưng do không hiểu biết nên bà mới viết thành “Hợp đồng vay tiền” đề ngày 01/5/2020. Nội dung hợp đồng vay tiền đề ngày 01/5/2020 là do bà Ng trực tiếp viết, ký, ghi họ tên của mình tại mục “Bên vay”. Sau khi hai bên ký giấy chốt nợ ngày 01/5/2020 thì bà Ng có nói bà U cho lấy lại những giấy nợ khác nhưng bà U nói sẽ hủy giấy nợ nên sau này bà Ng không hỏi bà U nữa. Cũng trong năm 2021 bà U đã tiến hành khởi kiện bà Ng đối với hợp đồng vay tiền đề ngày 01/5/2020 và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định số 13/2021/QĐST-DS ngày 28/4/2021 vì vậy số nợ này đã được Tòa án giải quyết rồi nên nay bà Ng không đồng ý trả bà U số tiền nợ nêu trên nữa.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Vương V trình bày: Ông và bà Ng trước đây có mối quan hệ là vợ chồng đến năm 2018 ông và bà Ng đã giải quyết ly hôn tại Quyết định số 106/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/5/2018, nhưng sau khi ly hôn thì ông và bà Ng vẫn chung sống cùng một nhà nên năm 2020 ông và bà Ng có nhiều lần vay tiền của bà U cụ thể như sau:

Ngày 18/01/2020 cho vay 1.200.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng);

Ngày 22/01/2020 cho vay 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng);

Ngày 11/02/2020 cho vay 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng);

Ngày 19/02/2020 cho vay 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Về thời hạn vay tiền và lãi suất cho vay thể hiện trong giấy vay như bà U trình bày nêu trên là đúng. Ngoài ra ông V còn trình bày đối với 04 khoản tiền vay trên của bà U thì ông không có sử dụng mà toàn bộ tiền ông đã đưa cho bà Ng và bà Ng sử dụng như thế nào thì ông không biết, giữa ông và bà Ng không có thỏa thuận nào về việc sử dụng và trả số tiền vay trên của bà U. Tính đến thời điểm hiện nay ông V cũng không trả tiền lãi và gốc cho bà U, còn việc giữa bà U và bà Ng có chốt nợ với nhau hay không thì ông không tham gia nên không biết.

Nay ông thống nhất cùng bà Ng có trách nhiệm liên đới trả cho bà U số tiền nợ gốc là 2.950.000.000 đồng, xin không trả lãi.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến không có thay đổi gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm

phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Minh Phượng U. Buộc bà Nguyễn Thị Bích Ng và ông Nguyễn Vương V có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà U số tiền vay gốc là 2.950.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.154.000.000 đồng, tổng cộng là 5.104.000.000đ (Năm tỷ một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Bà Ng, ông V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Vũ Minh Phượng U khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Bích Ng và ông Nguyễn Vương V. Bị đơn cư trú tại số 521 đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết vụ án:

Xét nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 16/02/2022 và việc cho vay tiền diễn ra trong năm 2020 nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Đối với nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày thống nhất với nhau như sau: Vào các ngày 18/01/2020, 22/01/2020, 11/02/2020 và ngày 19/02/2020 bà Ng, ông V có vay của bà U tổng số tiền 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất vay thỏa thuận là 3%/tháng, mục đích vay giải chấp (đảo hạn) ngân hàng, thời hạn vay từ 07 đến 25 ngày theo từng lần vay, khi vay có làm hợp đồng vay tiền viết tay lúc do ông V viết, lúc do bà Ng viết và bà Ng và ông V cùng ký tên với nội dung xác nhận đã nhận đủ số tiền vay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết các đương sự trình bày nêu trên là sự thật. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giao dịch này là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Ng cho rằng vào ngày 01/5/2020 bà với bà U đã chốt tất cả các khoản nợ với nhau thì bà còn nợ bà U số tiền gồm cả gốc và lãi là 5.030.000.000 đồng và đã được Tòa án giải quyết bằng Quyết định số 13/2021/QĐST-DS ngày

28/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, trong đó có cả 04 khoản nợ mà bà U đang khởi kiện bà và ông V nêu trên nên nay không còn nợ bà U số tiền trên nữa. Để chứng minh cho lời trình bày của mình bà Ng có xuất trình 01 Hợp đồng vay tiền đề ngày 01/5/2020 (bản phô tô); 01 Quyết định số 13/2021/QĐST-DS ngày 28/4/2021 và 01 bảng thống kê (phô tô) những khoản tiền nợ mà giữa bà Ng và bà U tính toán với nhau để chốt nợ lại. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng bảng thống kê các khoản nợ gốc và lãi mà bà Ng cung cấp là do bà Ng tự viết ra không có xác nhận của bà U, số tiền liệt kê trong bảng thống kê gồm cả gốc và lãi là 4.915.600.000 đồng nên không trùng khớp với số tiền ghi trong hợp đồng vay đề ngày 01/5/2020 là 5.030.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà Ng thì thấy rằng tại hồ sơ giải quyết năm 2021 thể hiện vào ngày 02/4/2021 bà Ng có viết bản tự khai trình bày nội dung như sau: *“Vào ngày 01/5/2020 tôi có vay của chị Vũ Minh Phượng U số tiền 5.030.000.000 (năm tỷ không trăm ba mươi triệu đồng chẵn) lãi xuất thỏa thuận. Thời hạn 2 tháng tôi sẽ thanh toán cho chị Uyên đủ số tiền vay và lãi xuất. Nhưng cho đến nay tôi chưa có điều kiện để thanh toán số tiền trên. Tôi đồng ý khi bán nhà sẽ trả số tiền đã vay cho chị Uyên”*, ngoài ra căn cứ vào hợp đồng vay tiền đề ngày 01/5/2020 thì thấy rằng về hình thức đây là Hợp đồng vay tiền mẫu đánh máy điền thông tin viết tay có nội dung bà Vũ Minh Phượng U cho bà Nguyễn Thị Bích Ng, cùng chồng là Nguyễn Vương V vay số tiền 5.030.000.000 đồng nhưng trên thực tế chỉ có mình bà Ng ký giấy và nhận tiền, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 3%/tháng và bà Ng là người ký, ghi họ tên bên vay đồng thời bà Ng có viết *“1/5/2020 chúng tôi đã nhận đủ năm tỷ không trăm ba mươi triệu đồng”*, còn tại biên bản hòa giải ngày 20/4/2021 bà Ng trình bày *“Do quan hệ trong quá trình làm ăn tôi có vay của bà Vũ Minh Phượng U số tiền 5.030.000.000 đồng vào ngày 01/5/2020 và hai bên đã chốt nợ gốc và lãi là 6.413.000.000 đồng do làm ăn thua lỗ tôi chưa có tiền thanh toán cho bà U. Nay bà U yêu cầu kiện đòi tôi đồng ý trả số nợ trên cho bà U”*. Quá trình làm việc bà U không thừa nhận vào ngày 01/5/2020 giữa bà U và bà Ng có tiến hành chốt nợ như lời trình bày của bà Ng, bản thân bà Ng cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền khởi kiện của bà U đã được hai bên chốt nợ thành hợp đồng vay tiền đề ngày 01/5/2020 và được giải quyết tại Quyết định số 13/2021/QĐST-DS ngày 28/4/2021. Ngoài ra số nợ bà U đang khởi kiện là số nợ chung của bà Ng, ông V cùng vay nhưng ông V trình bày không biết việc vay tiền vào ngày 01/5/2020, không ký giấy vay nợ, không tham gia chốt nợ cũng không tham gia giải quyết khoản nợ này tại Tòa án năm 2021 mặc dù thời điểm đó bà Ng, ông V vẫn đang cùng sống chung một nhà. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định vào ngày 01/5/2020 bà Ng có vay số tiền 5.030.000.000 đồng của bà U chứ không phải đây là khoản nợ của hai bên chốt nợ của các khoản nợ khác nên lời trình bày của bà Ng không có căn cứ chấp nhận.

Bị đơn ông V trình bày thừa nhận năm 2020 ông cùng bà Ng vay của bà U số tiền 2.950.000.000 đồng theo 04 Hợp đồng vay tiền bà U cung cấp trong hồ sơ vụ án là đúng. Số tiền này ông chưa trả cho bà U tiền gốc và tiền lãi. Nay ông thống nhất có trách nhiệm liên đới cùng bà Ng trả cho bà U số nợ gốc là 2.950.000.000 đồng, xin không trả lãi. Xét lời trình bày của ông V thì thấy rằng ông V thừa nhận 04 khoản vay trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với yêu cầu xin không trả lãi của ông V thì thấy rằng cả 04 khoản vay trên hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, bản thân ông V chưa trả lãi cho bà U, việc xin không trả lãi của ông V không được bà U chấp nhận nên không có cơ sở xem xét.

[3.2]. Về lãi suất: Bị đơn bà Ng trình bày quá trình vay tiền của bà U bà đã trả lãi cho bà U với số tiền 2.000đ/1 triệu/1 ngày tuy nhiên không có chứng cứ gì chứng minh, nguyên đơn trình bày lãi suất của các khoản vay là 3%/tháng và có thể hiện trong các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Do đó, có cơ sở khẳng định lãi suất thỏa thuận của các khoản vay là 3%/tháng. Tuy nhiên mức lãi suất 3%/tháng các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất trong hạn là 1.66%/tháng và lãi suất quá hạn là 2,49%/tháng là có cơ sở và được chấp nhận.

Về tiền lãi được tính như sau:

- Đối với khoản vay ngày 18/01/2020 là 1.200.000.000đ lãi trong hạn là: $1.200.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 03 \text{ ngày} = 1.990.000đ$;

Lãi quá hạn từ ngày 21/01/2020 tính đến ngày 20/7/2022 là $1.200.000.000đ \times 2,49\%/tháng \times 30 \text{ tháng} = 896.400.000đ$.

- Đối với khoản vay ngày 22/01/2020 là 500.000.000đ lãi trong hạn là: $500.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 15 \text{ ngày} = 4.150.000đ$;

Lãi quá hạn tính từ ngày 07/02/2020 đến ngày 20/7/2022 là $500.000.000đ \times 2,49\%/tháng \times 28 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 353.995.000đ$.

- Đối với khoản vay ngày 11/02/2020 là 600.000.000đ lãi trong hạn là: $600.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 07 \text{ ngày} = 2.300.000đ$;

Lãi quá hạn tính từ ngày 18/02/2020 đến ngày 20/7/2022 là $600.000.000đ \times 2,49\%/tháng \times 29 \text{ tháng} = 433.260.000đ$.

- Đối với khoản vay ngày 19/02/2020 là 650.000.000đ lãi trong hạn là: $1.200.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 25 \text{ ngày} = 8.990.000đ$;

Lãi quá hạn tính từ ngày 16/3/2020 đến ngày 20/7/2022 là $650.000.000đ \times 2,49\%/tháng \times 28 \text{ tháng} = 453.180.000đ$.

Như vậy, tính đến ngày 20/7/2022 tổng số tiền gốc bị đơn bà Ng, ông V nợ bà U là 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là $1.990.000đ + 896.400.000đ + 4.150.000đ + 353.995.000đ + 2.300.000đ + 433.260.000đ + 8.990.000đ + 453.180.000đ = 2.154.265.000đ$ (làm tròn là 2.154.000.000đ) (Hai tỷ một trăm năm mươi tư triệu đồng).

Tổng cộng gốc và lãi là 5.104.000.000đ (Năm tỷ một trăm lẻ tư triệu đồng).

[3.3] Về trách nhiệm thanh toán: Khi lập giấy vay tiền mặc dù giữa ông V và bà Ng đã ly hôn nhưng vẫn sống chung một nhà, việc đi vay tiền có lúc một mình ông V ký giấy, cũng có lúc cả ông V và bà Ng ký giấy nhưng giữa ông V và bà Ng không có sự thỏa thuận về việc ai là người sử dụng số tiền vay và cũng

không thỏa thuận nghĩa vụ trả tiền cho bà U, khi đi vay tiền bà Ng, ông V không thông báo với bà U về việc vợ chồng đã ly hôn, còn bản thân bà U cũng không biết bà Ng và ông V đã ly hôn nên cho cả 02 người vay tổng số tiền nêu trên. Tuy nhiên, nay cả bà Ng và ông V đều thừa nhận có vay của bà U số tiền 2.950.000.000 đồng. Do vậy cần buộc ông V và bà Ng phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho bà U số tiền nợ gốc là 2.950.000.000đ và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/7/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 288; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu của bà Vũ Minh Phượng U về việc tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng để đảm bảo thi hành án. Xét yêu cầu này là có cơ sở, bởi vì tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên, là để đảm bảo thi hành án và nghĩa vụ trả nợ, do đó Hội đồng xét xử cũng chấp nhận yêu cầu này của bà U.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Minh Phượng U về việc: “Tranh chấp về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Ng và ông Nguyễn Vương V.

[7] Về án phí: Bà Ng, ông V phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền thanh toán cho bà U; Bà U không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Minh Phượng U.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Ng, ông Nguyễn Vương V có trách nhiệm liên đới trả cho bà Vũ Minh Phượng U số tiền vay gốc là 2.950.000.000đ (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh là 2.154.265.000đ (làm tròn là 2.154.000.000đ) (Hai tỷ một trăm năm mươi tư triệu đồng). Tổng số tiền là 5.104.000đ (Năm tỷ một trăm lẻ tư triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của

pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2022/QĐ-BPKCTT, ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ”.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bích Ng, ông Nguyễn Vương V phải chịu 56.552.000đ (Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Minh Phượng U không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.370.800đ (Năm mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn tám trăm đồng) theo biên lai thu số 0004843 ngày 17/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)
Lê Thị Hòa